TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/LĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2024
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết E.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Y - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Ph - Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Gi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà**:* Bà Bùi Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 86/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoanh K, sinh năm 1989; nơi thường trú: Ấp Mỹ H, xã T, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: Số 12, VSIP đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp CHEN FU YUN sinh ngày 05/6/1969; chức vụ: Giám đốc điều hành; nơi cư trú: Công ty TNHH B số 12, VSIP đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore; phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Bích G, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 18/8, khu phố 2, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Hoanh K, trình bày:

Từ tháng 7/2008 đến nay bà K có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại nhiều công ty khác nhau và các công ty trên đều có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà.

Cuối năm 2023 bà K có nhu cầu thực hiện rút bảo hiểm xã hội theo quy định thì được biết bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 3/2014 do trước đó bà K có cho bà Lê Thị Bích G mượn giấy chứng minh nhân dân của bà tên Phạm Thị Hoanh K để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH B nên bà G đã dùng tên và số chứng minh nhân dân của bà K để tham gia bảo hiểm xã hội và có số sổ là 7408063967 từ tháng 4/2008 đến tháng 03/2014.

Việc bà K cho bà G mượn chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH B không phải do bản thân bà K thực hiện. Hiện nay tồn tại 03 (ba) số sổ bảo hiểm xã hội là số 7409326235, số 7410299155 và số 7408063967 cùng mang tên Phạm Thị Hoanh K, CMND 351989898 và bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội nên bà không thực hiện được các thủ tục bảo hiểm xã hội theo quy định.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Phạm Thị Hoanh K (do bà Lê Thị Bích G là người lao động) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2008 đến tháng 03 năm 2014 là vô hiệu toàn bộ. Bà K không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH B ông CHEN FU YUN trình bày: Vào thời điểm tháng 4 năm 2008, Công ty bà có nhận bà Phạm Thị Hoanh K, sinh năm 1989; nơi thường trú: Ấp Mỹ H, xã T, thành phố X, tỉnh An Giang vào làm việc tại công ty. Hồ sơ xin việc của bà K đầy đủ theo quy định: Sơ yếu lí lịch, đơn xin việc, giấy chứng minh nhân dân, giấy khám sức khỏe. Bà K đã ký hợp đồng lao động với Công ty và tham gia bảo hiểm xã hội từ thời điểm tháng 4 năm 2008 đến tháng 03 năm 2014.

Nay, Công ty thống nhất yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn, công ty không có yêu cầu gì đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty không yêu cầu phản tố gì, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích G trình bày: Khoảng năm 2008 bà có hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của bà K để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 3 năm 2014. Nay bà nhận thấy việc bà ký kết hợp đồng lao động với Công ty là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Hoanh K. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà thống nhất, bà không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Phạm Thị Hoanh K, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân 351989898 được Công ty TNHH B đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ tháng 04 năm 2008 đến tháng 03 năm 2014 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7408063967. Thời gian tham gia từ 4/2008 đến tháng 3/2014 được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận chốt sổ cấp tờ rồi sổ BHXH ngày 28/3/2024. Mã số BHXH 7408063967 chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp.

Từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2010 bà Kiều cũng được Công ty TNHH may mặc C, địa chỉ: Khu sản xuất C, T, Bình Dương kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Kiều với số bảo hiểm 7409326235. Mã số BHXH 7409326235 chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp.

Ngoài ra từ tháng 7/2008 đến 02/2009 bà Kiều cũng được Công ty TNHH Công nghiệp nhựa H, địa chỉ: Khu sản xuất C, T, Bình Dương kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Kiều với số bảo hiểm 7408187516. Mã số BHXH 7408187516 đã hưởng trợ cấp BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Hoanh K khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Phạm Thị Hoanh K (do bà Lê Thị Bích G là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 3 năm 2014 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH B có địa chỉ trụ sở số 12, VSIP đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G và Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và bà Phạm Thị Hoanh K. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định:

Bà Phạm Thị Hoanh K cho bà Lê Thị Bích G mượn hồ sơ mang tên bà để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 03 năm 2014 tại Công ty TNHH B theo số Bảo hiểm xã hội 7408063967. Trong khoảng thời gian trên, bà Phạm Thị Hoanh K cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH may mặc C và Công ty TNHH Công nghiệp nhựa H.

Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH B từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2014 là bà Lê Thị Bích G chứ không phải bà Phạm Thị Hoanh K. Việc bà G mượn hồ sơ của bà K để đi làm tại Công ty TNHH B là vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Bà G và Công ty TNHH B không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoanh K tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoanh K về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH B.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Phạm Thị Hoanh K và Công ty TNHH B trong thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 3 năm 2014 bị vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Phạm Thị Hoanh K theo quy định pháp luật.

2 . Về án phí: Bà Phạm Thị Hoanh K tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004701 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Thiệu Văn Kết E